

QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI

HỢP TÁC VÀ CẠNH TRANH KINH TẾ GIỮA VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC TRONG BỐI CẢNH QUAN HỆ KINH TẾ QUỐC TẾ MỚI HIỆN NAY CỦA TRUNG QUỐC

NGUYỄN VĂN TUẤN*

Trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, đối với từng quốc gia sự hợp tác và cạnh tranh của họ với bất kỳ khu vực hoặc quốc gia khác luôn được đặt ra. Sẽ rất ít có những trường hợp trong quan hệ giữa quốc gia này với quốc gia khác hoặc chỉ là hợp tác, hoặc chỉ là cạnh tranh. Quan hệ kinh tế giữa Việt Nam và Trung Quốc trong tình hình hiện nay cũng như vậy. Về mặt quan hệ kinh tế quốc tế, Việt Nam và Trung Quốc sẽ là những đối tác của nhau, có hợp tác và cạnh tranh ngay trong nền kinh tế của mỗi nước và trong nền kinh tế của một số khu vực và quốc gia khác. Điều chắc chắn là, hợp tác và cạnh tranh giữa Việt Nam và Trung Quốc trong quan hệ kinh tế quốc tế hiện nay dù ở đâu cũng là tất yếu khách quan mà mỗi bên đều phải lựa sức mình, tăng cường khả năng hợp tác và cạnh tranh của mình để đạt được những lợi ích kinh tế đặt ra.

Để có cơ sở nhận định về khả năng hợp tác và cạnh tranh giữa 2 nền kinh tế cần điểm lại một số vấn đề có liên quan

đến quan hệ kinh tế quốc tế và hội nhập kinh tế của mỗi nước trong bối cảnh kinh tế quốc tế hiện nay.

1. Những tiềm năng ảnh hưởng tới quan hệ kinh tế quốc tế của Trung Quốc trong những năm gần đây

- *Tiềm năng kinh tế chung*

Đó là nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao nhất thế giới, nhiều năm liên đạt từ 8-10%. Từ năm 1965 đến năm 1999 tốc độ tăng bình quân GDP của Trung Quốc đạt 8,1%; so với Mỹ là 3%; Ấn Độ là 4,1%⁽¹⁾. Ngay cả những năm có nhiều khó khăn của nền kinh tế thế giới, khu vực và trong nước (1997- 2000), kinh tế Trung Quốc vẫn tăng trưởng cao. Tốc độ tăng trưởng bình quân 5 năm 1997-2002 vẫn đạt 7%/ năm⁽²⁾ năm 2003 đạt 9,1% và năm 2004 đạt 9,5%. Tuy nhiên, quy mô nền kinh tế lớn và tốc độ tăng trưởng cao cũng có điểm yếu trong tiến trình hội nhập kinh tế. Chỉ một biến động nhỏ, nhạy cảm của nền kinh tế hay của một khâu nào đó trong nền kinh tế

* TS. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Trung Quốc cũng gây nên những xáo động lớn trong nước và quốc tế. Trung Quốc cũng đã nhận thấy ưu thế và nhược điểm về quy mô thị trường này của họ mà trong quan hệ kinh tế quốc tế và nhiều quan hệ chính trị, ngoại giao khác nước này đã sử dụng nó như một lợi thế và tự kiểm chế mình khi có nguy cơ đụng chạm đến những vấn đề nhạy cảm liên quan đến phát triển kinh tế.

- Trình độ quốc tế hoá của nền kinh tế Trung Quốc

Đây là một ưu thế nổi trội của Trung Quốc trong những năm gần đây. Đóng góp của tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu của Trung Quốc trong tổng xuất nhập khẩu của thế giới từ 1980 đến 2002 tăng từ 1,2% (xuất) và 1,1% (nhập) lên 5,2% và 4,2%. Tính riêng thời gian từ năm 1993 đến năm 2002, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của Trung Quốc đã tăng 17,3% năm. Trong năm 2003 kim ngạch xuất nhập khẩu của Trung Quốc đạt 851,2 tỷ USD, đứng thứ 4 thế giới; năm 2004 đạt 1154,7 tỷ USD vươn lên đứng thứ 3 thế giới, sau Mỹ và Đức.

Sau khi cải cách, mở cửa đất nước này đã không ngừng nâng cao trình độ trong việc tham gia vào phân công lao động quốc tế và vị thế trong hệ thống kinh tế thế giới nhờ thu hút mạnh mẽ đầu tư nước ngoài.

Về thu hút đầu tư.

Trong một thời gian dài Trung Quốc là nước thu hút vốn đầu tư nước ngoài lớn thứ hai thế giới, sau Mỹ và đứng đầu các nước đang phát triển. Từ năm 1976 đến năm 1997, theo thống kê, tổng giá trị đầu tư nước ngoài trên hợp đồng tại nước này là 656,901 tỷ USD, trong đó

đầu tư trực tiếp chiếm tỷ trọng lớn: 520 tỷ USD. Cụ thể hơn là từ năm 1988 đến nay, vốn đầu tư nước ngoài vào Trung Quốc liên tục tăng trưởng. Nếu năm 1991, số vốn đầu tư nước ngoài vào Trung Quốc là 4 tỷ USD, thì năm 1997 và những năm tiếp theo đến 2000, là những năm nền kinh tế thế giới có nhiều khó khăn nhưng thu hút đầu tư nước ngoài của Trung Quốc đạt 44 tỷ USD vào năm 1997, 50 tỷ vào năm 2002, 53 tỷ USD năm 2003 và 60,6 tỷ USD vào năm 2004.⁽³⁾

Về dự trữ và nguồn tiền tiết kiệm

Trong lĩnh vực này Trung Quốc cũng đạt những con số kỷ lục. Tính đến cuối tháng 6 năm 2005, Trung Quốc đã đạt con số dự trữ ngoại tệ ở mức 711 tỷ USD, một trong những nước dự trữ ngoại tệ lớn nhất thế giới. Với số dự trữ ngoại tệ lớn như vậy, Trung Quốc có điều kiện thuận lợi hơn để ứng phó với những bất trắc có thể xảy ra trên thị trường quốc tế.

Số tiền tiết kiệm trong nước cũng là một chỉ báo cho sự ổn định và nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế. Theo số liệu nghiên cứu, năm 1999, số tiền tiết kiệm trong dân đạt 5000 tỷ NDT⁽⁴⁾. Đặc biệt trong cơ cấu tiền tiết kiệm này, hầu hết là của những người có thu nhập trung bình và thấp, người già về hưu. Họ sẽ chỉ rút tiền tiêu khi có những công việc lớn của cá nhân và gia đình mà không phải là để đầu cơ. Do vậy, những nguồn vốn khổng lồ này sẽ được Chính phủ sử dụng và điều tiết một cách chủ động. Chính vì vậy nó ít gây ra sự biến động và ảnh hưởng tới đồng tiền của Trung Quốc trên thị trường thế giới. Hơn nữa trải qua cuộc khủng hoảng tài chính

tiền tệ châu Á 1997, Trung Quốc vẫn ổn định tăng trưởng kinh tế, mở rộng các quan hệ hợp tác kinh tế quốc tế nên tín nhiệm về đồng tiền của họ và qua đó sự tín nhiệm về khả năng thu hút đầu tư và sức cạnh tranh hàng hoá của Trung Quốc có cơ hội duy trì chắc chắn hơn trên thị trường thế giới.

Nguồn lao động

Trung Quốc là nước đông dân nhất thế giới và cũng là quốc gia có nguồn lao động lớn nhất thế giới, với 740 triệu lao động. Trong khi đó, số lượng lao động của các nước phát triển cộng lại cũng chỉ đạt 430 triệu. Số năm đi học trung bình của người lao động Trung Quốc là 7,11 năm. Người lao động Trung Quốc trong nước cũng như ngoài nước là những người cần cù, có ý chí vươn lên và họ có tính tổ chức, tính cộng đồng cao khi sinh sống và hoạt động ở nước ngoài.

Có thể nói về mặt hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, xét trên một số lĩnh vực kể trên, Trung Quốc hiện vẫn đang nổi lên là một thị trường tiêu thụ hàng hoá và đầu tư hấp dẫn; một số sản phẩm có tỷ trọng lao động cao của Trung Quốc đang được thế giới yêu thích và chiếm được ưu thế trên thị trường thế giới với giá cả hợp lý và chất lượng đảm bảo. Báo cáo của Ngân hàng thế giới năm 2002 thừa nhận, nếu nhập khẩu sản phẩm cùng loại từ các nước khác (không phải từ Trung Quốc - TG) thì người tiêu dùng Mỹ phải trả thêm 15 tỷ USD mỗi năm⁽⁶⁾.

Ngày 11-11-2001, Trung Quốc trở thành thành viên chính thức của tổ chức Thương mại thế giới (WTO), sẽ được hưởng mọi ưu đãi trong hoạt động thương mại với các nước thành viên

WTO theo các quy định đã được xác định. Đồng thời, Trung Quốc cũng phải tuân thủ nghiêm ngặt mọi quy định trong quan hệ thương mại với các nước đã được xác lập để Trung Quốc trở thành thành viên.

2. Một số đổi mới và kết quả quan hệ kinh tế quốc tế của Việt Nam trong những năm gần đây

- Ổn định và tăng trưởng kinh tế

Trong thời gian tương đối dài, khoảng 10 năm trở lại đây, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam ổn định và ở mức tương đối cao, khoảng 7%/ năm. Từ khi Việt Nam thực hiện chính sách đổi mới, hội nhập, quan hệ kinh tế quốc tế của Việt Nam cũng ngày càng phát triển. Xuất khẩu tăng từ 9,1 tỷ USD năm 1997 lên 16,5 tỷ USD năm 2002, tốc độ tăng trung bình mỗi năm trong thời gian nói trên là 12%/ năm. Trong khi đó, cùng giai đoạn này tăng trưởng xuất khẩu của các nước khu vực châu Á (trừ Trung Quốc) đạt khoảng 8%/năm. Kết quả hoạt động xuất, nhập khẩu năm 2003 đạt 19,8 tỷ USD, tăng 18% so với năm 2002. Năm 2004, đặc biệt một số ngành xuất khẩu của Việt Nam có tốc độ tăng trưởng cao như ngành may - tăng gấp đôi; ngành giày dép tăng 80%; thủy sản tăng 100%. Việt Nam xếp trong top 10 nước đạt chất lượng hàng hoá về thủy sản trên thị trường một số nước có yêu cầu khắt khe về chất lượng hàng thủy sản như Mỹ, EU. Trong vòng 5 năm trở lại đây, Việt Nam ổn định phát triển kinh tế và không ngừng mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại ngay trong những điều kiện khó khăn của kinh tế khu vực và thế giới.

- Mở rộng quan hệ kinh tế quốc tế

Trong quan hệ kinh tế quốc tế, Việt Nam cũng từng bước chuyển từ hợp tác với các nước trong hệ thống XHCN là chủ yếu sang mở rộng quan hệ đa phương, hợp tác với các nền kinh tế trên cơ sở bình đẳng cùng có lợi. Tính đến cuối năm 2003, Việt Nam đã có quan hệ hợp tác kinh tế với gần 200 quốc gia và vùng, lãnh thổ; đã ký hơn 80 hiệp định thương mại song phương, từ hợp tác trong lĩnh vực buôn bán, thương mại là chính sang đa dạng hoá các hình thức bao gồm cả buôn bán, thu hút đầu tư của nước ngoài.

Thu hút đầu tư nước ngoài

Là hoạt động kinh tế quốc tế tương đối mới ở Việt Nam. Tính đến cuối năm 2002, Việt Nam đã cấp giấy phép cho gần 3.700 dự án, trong đó có gần 3000 dự án còn hiệu lực thực hiện với tổng số vốn đầu tư khoảng 46 tỷ USD. Tỷ trọng vốn đầu tư nước ngoài trong những năm gần đây chiếm khoảng 25% tổng vốn đầu tư toàn xã hội⁽⁷⁾. Năm 2004 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã đạt giá trị xuất khẩu 8,6 tỷ USD; tạo việc làm cho 739.000 người⁽⁸⁾.

Tóm lại, trong những năm gần đây, Việt Nam đã đạt được những thành tựu kinh tế nói chung và thành tựu trong hội nhập kinh tế quốc tế nói riêng ở mức đáng kể. Trong quan hệ so sánh về cạnh tranh và hội nhập trên trường quốc tế với Trung Quốc, Việt Nam cũng đang gặp một số khó khăn. Khó khăn lớn nhất là mặc dù đã có quan hệ kinh tế quốc tế đa phương và đa dạng nhưng Việt Nam vẫn chưa trở thành thành viên của WTO, do đó có nhiều quy chế về xuất

khẩu hàng hoá, bảo hộ hàng hoá, cạnh tranh bình đẳng trên thị trường quốc tế, Việt Nam vẫn chưa được hưởng.

Khả năng hợp tác toàn diện, lâu dài và cạnh tranh một cách tương đối rộng giữa Trung Quốc và Việt Nam là vấn đề phức tạp, cần có sự nghiên cứu lâu dài. Trong phạm vi bài viết này, chỉ xin đề cập vấn đề hợp tác và cạnh tranh trong hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam và Trung Quốc ở một số mặt hàng và lĩnh vực đề cập dưới đây.

3. Kết quả xuất khẩu một số mặt hàng và thiết lập quan hệ buôn bán đầu tư của Việt Nam với một số nước, lãnh thổ có liên quan đến quan hệ buôn bán và đầu tư giữa Việt Nam và Trung Quốc

Các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam trong những năm tiến hành đổi mới đã có sự thay đổi đáng kể. Ngoài những mặt hàng truyền thống như than đá, dầu thô, một số sản phẩm nhiệt đới như cà phê, hồ tiêu, trong những năm gần đây hàng xuất khẩu của Việt Nam có thêm một số loại mới. Tiêu biểu là lúa, gạo. Năm xuất khẩu đầu tiên, 1989 với số lượng khoảng 1 triệu tấn, đến năm 2003 xuất khẩu gạo của Việt Nam đã đạt con số 4 triệu tấn. Sau đó phải kể đến các loại hàng hoá thuỷ hải sản.

Mặt hàng thuỷ hải sản.

Trong vài năm trở lại đây, sản lượng và giá trị xuất khẩu của mặt hàng này ngày một tăng. Năm 2000 đã đạt kim ngạch trên 1,47 tỷ USD, năm 2003 đạt kim ngạch 2,3 tỷ USD và có triển vọng đạt kim ngạch ngày càng cao hơn. Ngành thuỷ hải sản của Việt Nam đã được trang bị kỹ thuật chế biến tiên tiến,

có môi trường nuôi trồng ngày càng cải thiện theo các tiêu chuẩn nuôi trồng sạch. Toàn ngành đã có 174 doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm; 100 doanh nghiệp được công nhận đủ tiêu chuẩn xuất khẩu sang thị trường EU, 174 doanh nghiệp đã được vào danh sách xuất khẩu sang Hàn Quốc⁽⁹⁾. Thị trường Nhật Bản đã được các doanh nghiệp xuất khẩu thủy, hải sản Việt Nam coi là thị trường truyền thống. Từ năm 1998, kim ngạch xuất khẩu thủy, hải sản của Việt Nam sang Nhật Bản tăng đều 11% năm; giá trị kim ngạch xuất sang Nhật năm 2001 đạt 466 triệu USD; năm 2002 đạt 537 triệu USD; đến cuối tháng 10/2003 đạt 444 triệu USD. Các mặt hàng thủy hải sản Việt Nam xuất sang Nhật phong phú gồm cả nhuyễn thể, tôm, cá. Nhật Bản là thị trường tiêu thụ thủy hải sản lớn nhất thế giới, hàng năm nhu cầu nhập khẩu thủy sản của Nhật Bản tới 3,5 triệu tấn. Đến nay, Việt Nam đã trở thành nhà cung cấp lớn thứ hai (sau Ấn Độ) cho thị trường này.

Từ năm 1999, ngành thủy sản Việt Nam có thêm thị trường mới là thị trường Mỹ. Năm 1994, lô hàng tôm sú, hàng thủy sản đầu tiên của Việt Nam sang Mỹ có giá trị 6 triệu USD. Sau đó hàng của Việt Nam đã vượt lên 60 nước khác trong số 130 nước cung cấp hàng thủy sản cho thị trường này. Hàng thủy sản của Việt Nam cung cấp cho thị trường Mỹ cũng đa dạng, phong phú như tôm sú, cá da trơn. Năm 2001, thị trường Mỹ là thị trường lớn nhất thu hút sản phẩm hàng thủy, hải sản xuất khẩu Việt Nam, với giá trị 500 triệu USD; năm 2002 và 10 tháng 2003, kim ngạch xuất

khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường này đạt 638 triệu USD. Nhu cầu về hàng hoá thủy hải sản của thị trường Mỹ cũng tương đối lớn 1,6 triệu tấn/năm. Mặt hàng lớn nhất là tôm, 85% nhu cầu tôm của thị trường Mỹ phải nhập từ nước ngoài, ước tính vào khoảng 49.800 tấn. Việt Nam cung cấp khoảng 25% lượng nhu cầu này.

Thị trường EU tiếp nhận hàng thủy sản của Việt Nam không lớn. Năm 2002 kim ngạch của Việt Nam tại đây đạt 73,7 triệu USD. Thị trường EU yêu cầu chất lượng nuôi trồng và công nghệ chế biến đối với các loại hàng này tương đối cao.

Tuy nhiên, trong những năm trước mắt và sau này, xuất khẩu hàng thủy, hải sản của Việt Nam đang và sẽ gặp một số khó khăn. Khó khăn đầu tiên là việc tiếp tục giữ vững và mở rộng thị trường Mỹ và các thị trường đã có. Trong năm 2003, một số địa phương và công ty Mỹ đã kiện Việt Nam về bán phá giá cá da trơn. Những tháng gần đây, phía Mỹ lại kiện các nước xuất khẩu tôm, trong đó có Việt Nam. Khi Việt Nam mới gia nhập thị trường thế giới và chưa trở thành thành viên WTO, đây là một trong những khó khăn để tiếp tục phát triển ở thị trường Mỹ.

Đối với thị trường EU, yêu cầu chất lượng hàng hoá cao. Với một kim ngạch tuy nhỏ như trên, Việt Nam đã trở thành quốc gia số một cung cấp hàng thủy sản cho EU. Dung lượng thị trường không lớn, hơn nữa EU chưa ký với Việt Nam hiệp định thương mại và hợp đồng bảo hộ đầu tư nên đó sẽ là những khó khăn cho các hàng hoá thủy sản Việt Nam vào đây.

Hàng thuỷ hải sản Việt Nam cũng đã thâm nhập thị trường Trung Quốc. Gần đây, do nhiều lý do, xuất khẩu thuỷ sản sang đây giảm mạnh. Năm 2002, giá trị xuất khẩu thuỷ hải sản của Việt Nam sang Trung Quốc chiếm 16,25% tổng giá trị xuất khẩu thuỷ sản, đến năm 2003 chỉ còn 6,98%. Một điểm mới trong xuất khẩu thuỷ hải sản của Việt Nam là đã mở ra được nhiều thị trường mới: Lào, Niu Ghi-nê, Sorilanca, Burundi; một số thị trường so với năm trước có kim ngạch tăng mạnh năm 2003 như Ôt-xtrây-li-a tăng 75%, Canada tăng 18% v.v. .

Trung Quốc cũng là một quốc gia cung cấp các hàng hoá vào các khu vực trên như Mỹ, EU, Nhật Bản. Điều thuận lợi của Trung Quốc là họ mới trở thành thành viên WTO, Trung Quốc đã ký hiệp định thương mại với EU và các hợp đồng bảo hộ hàng hoá với EU nên khả năng cạnh tranh của hàng hoá Trung Quốc sẽ lớn hơn.

Mặt hàng dệt may

Dệt may là một trong những mặt hàng xuất khẩu quan trọng của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Trong một vài năm qua, kim ngạch của mặt hàng này đạt tốc độ tăng trưởng cao và đã trở thành ngành kinh tế xuất khẩu mũi nhọn với tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm (khoảng 10 năm trở lại đây) đạt 23,8%/ năm. Hàng dệt may của Việt Nam đã có mặt trên 100 nước, vùng lãnh thổ kể cả những thị trường khó tính như Mỹ, Nhật, EU. Năm 2003, kim ngạch ngành dệt may đạt 3,6 tỷ USD, tăng 30% so với năm 2002. Các thị trường lớn mà sản phẩm dệt may Việt

Nam có thị phần là: Mỹ 54% đạt 1,95 tỷ; EU khoảng 1 tỷ, Nhật Bản 500 triệu USD, chiếm khoảng 14%.

So sánh loại hàng xuất khẩu này với hàng hoá cùng loại của một số quốc gia trong đó có Trung Quốc có thể thấy: Trong cùng năm 2003, kim ngạch hàng dệt may của Trung Quốc trên thị trường thế giới đạt 50 tỷ USD, gấp hơn 10 lần Việt Nam; Ấn Độ 12 tỷ; Thái Lan 6 tỷ. Tỷ trọng hàng dệt may xuất khẩu của Việt Nam ở một số thị trường EU là 0,95%; Nhật 2,9%; Mỹ 3,2%⁽⁸⁾.

Tuy có sự tăng trưởng, phát triển như trên nhưng ngành dệt may Việt Nam trong những năm tới sẽ gặp một số bất cập trên thị trường thế giới và trong cạnh tranh với hàng dệt may của Trung Quốc. Khó khăn lớn nhất là đến năm 2005, EU, Mỹ và các nước WTO sẽ xoá bỏ hạn ngạch đối với hàng dệt may. Có nghĩa là việc cung cấp hàng dệt may sẽ không cần thoả thuận hợp đồng trước. Vì thế sản phẩm loại hàng hoá này hoàn toàn phải cạnh tranh bằng chất lượng và giá cả trên thị trường quốc tế. Sẽ có thêm những yếu tố chi phối xuất khẩu của các nước khác nhau tại các thị trường lớn nói ở trên là nhiều thị trường khu vực sẽ tăng buôn bán nội vùng và tỷ giá đồng tiền sẽ là một yếu tố cạnh tranh trong thương mại buôn bán.

Có thể còn có những ngành hàng khác trong phát triển chịu sự tác động của hoạt động hợp tác kinh tế quốc tế của Trung Quốc, nhưng những ngành trên là những ngành tiêu biểu vì có kim ngạch xuất khẩu lớn và chịu ảnh hưởng của

hàng hoá Trung Quốc cạnh tranh mạnh mẽ hơn. Để có thể tìm hiểu cụ thể hơn nữa những tác động của quan hệ kinh tế quốc tế của Trung Quốc tới hoạt động hợp tác kinh tế quốc tế của Việt Nam, chúng tôi xin phân tích thêm nội dung quan hệ hợp tác kinh tế Việt Nam - Trung Quốc trong những năm gần đây

4. Quan hệ hợp tác kinh tế Việt Nam - Trung Quốc những năm gần đây

- *Một số đặc điểm chi phối quan hệ kinh tế Việt Nam - Trung Quốc*

Việt Nam và Trung Quốc là hai nước láng giềng, gần gũi, có nhiều điểm tương đồng về văn hoá, gần nhau về lãnh thổ. Điều quan trọng hơn là hiện hai nước đang cùng trên con đường cải cách mở cửa, đổi mới, cùng đang trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Do nhiều nguyên nhân mà quan hệ kinh tế Trung Quốc, Việt Nam đã được đổi mới và tăng cường trong những năm gần đây, nhất là từ đầu những năm 90 của thế kỷ XX. Sự hợp tác kinh tế này xuất phát từ chính nhu cầu của mỗi nước trên tinh thần *láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai* như các vị lãnh đạo cấp cao của hai Đảng và hai Nhà nước đã khẳng định.

+ Các yếu tố địa lý và định hướng phát triển đất nước của Trung Quốc và Việt Nam là những điều kiện để phát triển hợp tác giữa hai nước có hiệu quả. Trung Quốc và Việt Nam liên kề nhau, có nhiều đường giao thông nối giữa hai nước, nhất là trên bộ. Việt Nam lại tiếp

giáp với khu vực Tây Nam, là khu vực chậm phát triển của Trung Quốc và khó thông thương với thế giới bên ngoài, với khu vực miền Đông kinh tế phát triển của Trung Quốc. Đất nước rộng lớn, địa hình nhiều hiểm trở, tiếp giáp với nhiều quốc gia khác nhau, Trung Quốc đã có chiến lược kinh tế vùng biên rất rõ ràng là tăng cường hợp tác với các nước xung quanh nhằm phát triển kinh tế các vùng biên và các vùng giữa, vùng phía Tây. Chiến lược đó đã được dự kiến và nhiều người dự báo có thể sẽ hiệu quả hơn so với việc Trung Quốc chia sẻ sự phát triển của các vùng khác trong nước cho các khu vực này. Việt Nam là một trong những quốc gia có nhiều thuận lợi trong hợp tác kinh tế quốc tế để thực hiện chiến lược đó. Vì kinh tế Việt Nam trong những năm gần đây phát triển tương đối ổn định; Việt Nam đã từng có quan hệ hợp tác buôn bán nhiều năm trên thị trường Trung Quốc, đã có những tuyến đường thông thương với Trung Quốc đem lại hiệu quả kinh tế cho cả hai nước. Vì vậy, hợp tác giữa hai nước có thể tiết kiệm hơn so với hợp tác với quốc gia, vùng lãnh thổ khác trong một số lĩnh vực sản xuất, trao đổi buôn bán.

+ Thị trường Trung Quốc rộng lớn, nhu cầu đa dạng cả sản phẩm chất lượng cao lẫn sản phẩm chất lượng không có yêu cầu cao, đặc biệt là nông sản thực phẩm tươi. Những mặt hàng này Việt Nam có thể tổ chức tốt để cung ứng cho thị trường này.

+ Các hoạt động xúc tiến thương mại của Việt Nam - Trung Quốc được thực

hiện một cách thuận lợi, tiết kiệm thông qua các Hội chợ thương mại và Hội chợ xúc tiến đầu tư trên lãnh thổ hai nước. Đã từ nhiều năm nay, các hình thức này đã được tổ chức luân phiên tại nhiều địa điểm trên lãnh thổ hai nước và đã thu được những kết quả khích lệ.

Một số khó khăn trong hợp tác kinh tế giữa hai nước

+ Cơ cấu hàng hoá xuất của Trung Quốc với Việt Nam không khác nhau nhiều, nhất là các hàng hoá chủ lực của Việt Nam như giày dép, dệt may, thủy hải sản xuất khẩu. Trong khi đó việc cung cấp hàng hoá của Trung Quốc có nhiều lợi thế hơn hàng của Việt Nam về giá thành về hưởng các quy chế buôn bán bình đẳng, đặc biệt là quy mô cung ứng hàng hoá của Trung Quốc chi phối tới hoạt động kinh tế các nước nhận mua rất lớn.

+ Tại thị trường nội địa của Trung Quốc, tuy nhu cầu thị trường lớn nhưng chính sách mở cửa, buôn bán của Trung Quốc chưa ổn định. Có thể một số địa phương, kể cả địa phương có chung biên giới với Việt Nam cũng có những quy định riêng của mình về xuất, nhập khẩu đối với các địa phương của Việt Nam. Những quy định đó có thể tác động trực tiếp, mạnh mẽ tới việc sản xuất, tiêu thụ hàng hoá của Việt Nam.

+ Công nghệ kỹ thuật của 2 nước đang còn ở trình độ thấp của thế giới. Vì thế việc hỗ trợ lẫn nhau khi cần thiết nhiều khi không thể đáp ứng được.

Tuy nhiên, quan hệ hợp tác kinh tế Việt Nam - Trung Quốc đã có một bức

tranh nhiều nét đặc trưng có thể giúp cho mỗi nước xác định được chiến lược hợp tác song phương của mình trong thời gian tới.

- Một số kết quả hợp tác kinh tế Việt Nam - Trung Quốc và triển vọng

+ Tạo hành lang pháp lý

Đến nay, Việt Nam và Trung Quốc đã ký cùng nhau hơn 40 văn bản thỏa thuận, trong đó có: Hiệp định thương mại, Hiệp định mua bán vùng biên; Hiệp định thành lập Ủy ban Hợp tác kinh tế và Thương mại; Hiệp định giao thông đường sắt, đường bộ, đường hàng không v.v.

+ Hợp tác buôn bán

Trung Quốc hiện nay là bạn hàng lớn nhất của Việt Nam. Kim ngạch buôn bán giữa hai nước tăng ổn định từ năm 1991 đến nay, từ 30 triệu USD lên 69 tỷ năm 2004⁽¹¹⁾. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu của Trung Quốc sang Việt Nam đạt 4,5 tỷ USD. Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Trung Quốc sang Việt Nam là xe máy, xăng dầu, máy móc, phân bón, hàng dệt may v.v...

Nhập khẩu từ Việt Nam của Trung Quốc đạt 2,4 tỷ USD. Mậu dịch biên giới được đưa vào kỷ cương, năm 2001 đã đạt 400 triệu USD. Từ năm 2002, hàng xuất khẩu Việt Nam sang Trung Quốc tăng cao. Các sản phẩm chính là dầu thô, thủy sản, hoa quả nhiệt đới, cao su, hồ tiêu. Trong những năm tới hàng hoá có thể mạnh của Việt Nam xuất sang Trung Quốc là dầu thô, do thị trường Trung Quốc đang thiếu hụt năng lượng

lớn; cao su, do Trung Quốc thiếu nguồn vật tư này và đã quyết định tăng hạn ngạch nhập khẩu. Hiện thị trường Trung Quốc đang và sẽ khan hiếm thực phẩm tươi và trái cây nhiệt đới. Trung Quốc sớm có chủ trương cắt giảm thuế cho các hàng nông sản đến từ ASEAN. Đó là những cơ hội cho hàng hoá Việt Nam xuất sang Trung Quốc trong những năm tới.

Đầu tư của Trung Quốc tại Việt Nam.

Tính đến tháng 2-2005, Trung Quốc có 322 dự án đầu tư tại Việt Nam với tổng số vốn 662,6 triệu USD đứng thứ 15 trong tổng số các nước và lãnh thổ đầu tư trực tiếp vào Việt Nam. Các lĩnh vực đầu tư chính là công nghiệp chế biến, nông lâm sản, vật liệu xây dựng, dược, dịch vụ y tế, sản xuất, lắp ráp phụ tùng xe máy. Các dự án đầu tư đã được triển khai ở 30/64 tỉnh, thành phố cả nước.

Xúc tiến thương mại

Như đã trình bày ở trên, do có nhiều điều kiện thuận lợi về địa lý, Trung Quốc và Việt Nam đã thoả thuận tổ chức các hội chợ xúc tiến thương mại hàng năm tại mỗi nước. Đây là cơ hội tốt cho các doanh nghiệp và doanh nhân hai nước tiếp cận lẫn nhau và phát triển các quan hệ buôn bán trao đổi trực tiếp, nhanh chóng. Hội chợ năm 2003 tổ chức tại Lào Cai đã thu hút 91 doanh nghiệp Trung Quốc và 216 doanh nghiệp Việt Nam tham gia. Trong thời gian diễn ra hội chợ đã thu hút gần 10 vạn người tới giao lưu. Các doanh nghiệp Trung Quốc đã tiêu thụ được gần 3 tỷ VND hàng hoá; doanh nghiệp Việt Nam tiêu thụ

được gần 5 tỷ VND hàng hoá. Trong hội chợ đó có 17 doanh nghiệp Việt Nam đã ký được các hợp đồng buôn bán và đầu tư trị giá 50 triệu USD. Rõ ràng vị trí địa lý và tính có thể bổ sung lẫn nhau đã giúp cho quan hệ buôn bán đầu tư của Trung Quốc và Việt Nam được thực hiện một cách hiệu quả và nhanh chóng.

Cho đến cuối năm 2001, mức độ quan hệ kinh tế giữa Việt Nam và Trung Quốc như sau: Thương mại Trung Quốc với Việt Nam chỉ chiếm 0.44% tổng kim ngạch buôn bán của Trung Quốc, Việt Nam là bạn hàng đứng thứ 27 của Trung Quốc, Trung Quốc đứng thứ 24 trong số các nước cung cấp vốn cho Việt Nam⁽¹²⁾.

4. Triển vọng hợp tác và cạnh tranh về kinh tế Việt Nam - Trung Quốc

Trong những năm đầu thế kỷ XXI, hai sự kiện quan trọng tác động trực tiếp tới quan hệ buôn bán Việt Trung đó là Trung Quốc trở thành thành viên chính thức của WTO và có những cam kết dành quy chế tối huệ quốc cho Việt Nam. Sự kiện thứ hai là tháng 4 năm 2002, Trung Quốc đã ký hiệp định khung về hợp tác toàn diện Trung Quốc ASEAN. Đây là những cơ hội tốt cho các hàng hoá Việt Nam thâm nhập thị trường Trung Quốc trên tất cả các lĩnh vực buôn bán, đầu tư.

Qua việc xem xét, đánh giá những đổi mới và kết quả hoạt động hợp tác kinh tế quốc tế của Trung Quốc, trong đó có quan hệ hợp tác kinh tế với Việt Nam trong khoảng 10 năm trở lại đây, trong quan hệ kinh tế giữa Trung Quốc và Việt

Nam trong bối cảnh hợp tác kinh tế quốc tế mới của Trung Quốc nổi lên một số nét chính sau:

- Thế và lực của nền kinh tế Trung Quốc trên trường quốc tế ngày một nâng cao. Trung Quốc là đối tác của nhiều nền kinh tế chủ chốt trên thế giới như Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, EU. Với sức mạnh kinh tế của mình, Trung Quốc đang tích cực cải thiện các quan hệ với các nước láng giềng và các nước trong khu vực Đông Á, bao gồm cả Việt Nam. Chính sách này đang được thực thi tích cực, có hiệu quả.

- Trên thị trường thế giới, quan hệ kinh tế của Trung Quốc với nhiều nước cũng bị các quan hệ chính trị, quân sự, ngoại giao chi phối. Một vài quan hệ có những tác động chưa thuận lợi cho quan hệ kinh tế quốc tế song phương của Trung Quốc là quan hệ Trung Quốc - Mỹ; Trung Quốc - Nhật - Bản; có những quan hệ bạn bè và buôn bán tốt là quan hệ Trung Quốc - EU; Trung Quốc và các nước châu Phi.

- Trong quan hệ với Việt Nam, cùng với những ưu tiên chung trong chiến lược cải thiện với các nước láng giềng và khu vực, Trung Quốc và Việt Nam còn có nhiều cơ hội thuận lợi trong hợp tác kinh tế như hai nước đều tiến hành cải cách, mở cửa và cùng là những nước đạt nhiều thành tựu kinh tế trong những năm gần đây; Trung Quốc, Việt Nam có quan hệ hợp tác lâu dài, trình độ về nhiều mặt phát triển kinh tế, khoa học, công nghệ gần tương đương nhau nên sự giúp đỡ lẫn nhau nhất là từ phía Trung Quốc với

Việt Nam sẽ hiệu quả và phù hợp hơn so với quan hệ với một số nước khác. Vị trí địa lý giữa hai nước liền kề nhau, đất nước Trung Quốc rộng lớn, dân cư đông, nhu cầu sản xuất, tiêu dùng phong phú và nhiều mức chất lượng khác nhau. Việt Nam có thể bổ sung một số thiếu hụt về nhu cầu đó bằng quan hệ buôn bán trao đổi.

- Trung Quốc có chiến lược kinh tế phát triển khu vực giữa và miền Tây dựa vào các quốc gia, lãnh thổ bên ngoài. Việt Nam có thể tranh thủ cơ hội đó để hợp tác và đầu tư vào đây một cách phù hợp.

- Trên thị trường quốc tế, Việt Nam và Trung Quốc có cơ cấu các hàng hoá có thể mạnh xuất khẩu gần với nhau. Đó là các hàng hoá dệt may, giày dép, thuỷ hải sản. Các hàng hoá này của Trung Quốc có giá thành thấp hơn và chất lượng tốt hơn của Việt Nam. Trong khi đó Trung Quốc đã là thành viên của WTO, đã ký được nhiều hiệp định thương mại quốc tế với nhiều tổ chức kinh tế và với nhiều quốc gia nên về cơ bản sức cạnh tranh của hàng hoá Trung Quốc cao, đặc biệt là ở một số thị trường lớn như EU, Mỹ.

Một số hàng hoá và thị trường nhất định, hàng hoá của Việt Nam sẽ có nhiều thuận lợi thâm nhập thị trường hơn so với hàng hoá của Trung Quốc đó là các hàng hoá thuỷ hải sản tại Nhật Bản, một số hàng hoá tại thị trường Ấn Độ.

- Về thu hút đầu tư, Trung Quốc hiện nay có ưu thế thu hút đầu tư nước ngoài lớn nhất trong số các nước đang phát triển. Nhiều năm Trung Quốc đứng ở vị

trí thứ hai trong thu hút đầu tư nước ngoài trên thế giới. Hiện nay, Trung Quốc có chiến lược không tạo sức mạnh trong cạnh tranh thu hút đầu tư với các nước xung quanh, thậm chí còn chia sẻ đầu tư của nước ngoài với các nước đang phát triển khác.

5. Đối điều kiến nghị

- Trong quan hệ hợp tác kinh tế với Trung Quốc chúng ta đẩy mạnh quan hệ hợp tác, tranh thủ sự hợp tác với Trung Quốc trong thu hút đầu tư của Trung Quốc vào Việt Nam; trong việc xuất khẩu một số hàng hoá có thể mạnh và có sẵn của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc đó là dầu thô, các sản phẩm quả nhiệt đới, thuỷ hải sản, trái cây, rau tươi.

- Việt Nam cũng cần tích cực chuẩn bị và tăng cường hoạt động hợp tác và đầu tư sang các vùng trung tâm và các tỉnh Tây Nam Trung Quốc dưới nhiều hình thức khác nhau như hợp tác doanh nghiệp với doanh nghiệp; hợp tác địa phương với địa phương và trên tầm quốc gia.

- Việt Nam đẩy mạnh hình thức quan hệ buôn bán qua biên giới với Trung Quốc bằng những hình thức tổ chức và quản lý phù hợp để đảm bảo lợi ích quốc gia và của nước tiêu dùng.

- Việt Nam lựa sức và cố gắng cao trong cạnh tranh với một số hàng hoá xuất khẩu thế mạnh của mình như dệt may, giày dép với hàng hoá Trung Quốc trên trường quốc tế; tranh thủ quan hệ song phương để ổn định và mở rộng thị trường Nhật Bản và Ấn Độ là hai thị

trường lớn và có thể mạnh hơn so với Trung Quốc.

- Tiếp tục có các nghiên cứu về ảnh hưởng của quan hệ kinh tế quốc tế của Trung Quốc với quan hệ kinh tế quốc tế của Việt Nam.

CHÚ THÍCH:

(1). TTXVN, *Tài liệu tham khảo đặc biệt* (TLTKĐB), tháng 10-2002, tr.37

(2) TTXVN, TLTKĐB, số 11-2003.

(3) HVCTQG, Viện TTKH, *Thông tin tư liệu*, tháng 6-2003, tr 16.

(4) HVCTQG Hồ Chí Minh, Viện TTKH, *Thông tin chuyên đề Một số vấn đề về Hội nhập kinh tế quốc tế*, tr.59.

(5) TTXVN, TLTKĐB Chủ nhật ngày 17-11-1999, tr.16

(6) HVCTQG Hồ Chí Minh, Viện TTKH, *Những vấn đề kinh tế xã hội*, Thông tin từ internet, số 20/2003, tr. 10.

(7). Nt, số 47, 2003, tr. 15.

(8). Phạm Văn Hùng: *Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam, thực trạng và triển vọng*. Tạp chí Kinh tế và phát triển, tháng 4/2004, tr. 17.

(9) Bộ Thương mại, *Bài phát biểu tại Hội thảo môi trường đầu tư và cách thức đầu tư vào Việt Nam*, H. tr.1

(10) Trần Vinh, *Xuất khẩu thuỷ sản và thị trường thế giới*, Nhân Dân cuối tuần số 52/778, 28-12-003, tr.4.

(11) Vn Net, *Bản tin kinh tế*, tháng 1/2004, số 43937.

(12) TTXVN, TLTKĐB ngày 15-4-2002, tr. 2

(13) nt, tr.3.